

BÁO CÁO

Tóm tắt kết quả kỳ họp thứ 24 HĐND tỉnh khóa X
(Tài liệu phục vụ TXCT của đại biểu HĐND tỉnh)

Kỳ họp thứ 24 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2024) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 tổ chức trong 2,5 ngày, từ ngày 09 đến ngày 11/12/2024 và thống nhất thông qua 29 nghị quyết, cụ thể:

1. Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

a) Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị như sau:

- Các đơn vị sử dụng ngân sách quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị của đơn vị mình từ nguồn kinh phí thực hiện tự chủ.

- Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị từ nguồn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh không thực hiện tự chủ.

- Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị từ nguồn chi thường xuyên ngân sách cấp huyện không thực hiện tự chủ (bao gồm cả nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên).

- Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị từ nguồn chi thường xuyên ngân sách cấp xã không thực hiện tự chủ (bao gồm cả nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên).

b) Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng như sau:

- Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh.

- Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị từ nguồn chi thường xuyên ngân sách cấp huyện (bao gồm cả nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên).

- Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị từ nguồn chi thường xuyên ngân sách cấp xã (bao gồm cả nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên).

2. Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

2.1. Cộng đồng dân cư nơi đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hoá và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m².

2.2. Chính sách đất đai lần đầu

a) Trường hợp cá nhân không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định và được miễn tiền sử dụng đất. Diện tích giao đất tùy thuộc vào điều kiện thực tế và quỹ đất của địa phương nhưng không quá hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Trường hợp cá nhân không có đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp theo quy định và không thu tiền sử dụng đất. Diện tích giao đất không vượt quá hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

c) Cá nhân được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn tiền thuê đất. Diện tích thuê đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định căn cứ vào tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương.

2.3. Chính sách đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống

a) Trường hợp cá nhân đã được giao đất ở theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này nhưng nay không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất. Diện tích giao đất tùy thuộc vào điều kiện thực tế và quỹ đất hiện có của địa phương nhưng không quá hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

Trường hợp thiếu đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở.

b) Trường hợp cá nhân đã được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này nhưng nay không còn đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất. Diện tích giao đất tùy thuộc vào điều kiện thực tế và quỹ đất hiện có của địa phương nhưng không quá hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2.4. Hỗ trợ 100% kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

3. Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, như sau:

a) Đối với tổ chức cung cấp nước sạch: Để lại 8% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

b) Đối với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn: Để lại 25% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

4. Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Sửa đổi, bổ sung 04 nội dung “*hộ nghèo, hộ cận nghèo; người có công với cách mạng*” tương ứng tại các khoản: Khoản 4 Điều 8, khoản 4 Điều 11, khoản 4 Điều 12, khoản 4 Điều 18, khoản 4 Điều 19 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết, trong đó, quy định mức thu bằng không (*0 đồng*) đối với một số khoản lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Lệ phí hộ tịch; Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam; Lệ phí cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ.

5. Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 quy định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để xây dựng hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí cho các thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu để xây dựng hương ước, quy ước với mức: 1.000.000 đồng/lần/thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu; nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

6. Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 quy định mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nghị quyết quy định mức phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh tối đa bằng 1,05% trên tổng số tiền thực tế chi trả cho các đối tượng bảo trợ. Nguồn kinh phí thực

hiện từ nguồn chi thường xuyên thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hằng năm.

7. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 bãi bỏ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

Bãi bỏ Nghị quyết số 03 để đảm bảo tính hợp lý do đã ban hành Nghị quyết quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý.

8. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nghị quyết gồm một số nội dung cơ bản sau:

a) Tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn:

- Có quy hoạch chi tiết hoặc có quy hoạch phân khu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiêu chí về quy mô dự án đối với dự án khu đô thị: Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hình thành từ một đơn vị ở trở lên theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt hoặc dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên đối với trường hợp quy hoạch xây dựng không xác định rõ các đơn vị ở.

- Tiêu chí về quy hoạch, kiến trúc của dự án:

+ Đối với dự án khu đô thị: Có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

+ Đối với dự án khu dân cư nông thôn: Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

b) Nguyên tắc áp dụng tiêu chí:

- Dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Nghị quyết này.

- Trường hợp khu đất thực hiện dự án bao gồm phần đất thuộc quy hoạch phát triển đô thị và phần đất phát triển nhà ở nông thôn thì áp dụng tiêu chí đối với khu đô thị để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Tiêu chí quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn phù hợp với các quy định hiện hành.

9. Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện một số chính sách trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nghị quyết quy định 13 nội dung thực hiện một số chính sách trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại khoản 3, Điều 27 và điểm e, khoản 2, Điều 15 Nghị định số 58 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp quy định, cụ thể:

- Mức cấp kinh phí, gồm 3 nội dung sau: Bảo vệ rừng đặc dụng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; bảo vệ rừng phòng hộ.

- Mức hỗ trợ kinh phí, gồm 4 nội dung sau: Bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; khoán bảo vệ rừng.

- Mức đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

- Mức hỗ trợ đầu tư, gồm 3 nội dung sau: Trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ; cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; trồng cây phân tán.

- Mức hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn.

- Mức trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng.

10. Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025

HĐND tỉnh đề ra 24 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025 và đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện như phần tóm tắt kinh tế - xã hội mà đại biểu đã báo cáo.

11. Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh quyết định biên chế công chức, phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025

- Quyết định biên chế công chức: 1.438 biên chế.

- Phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập 8.639 người, trong đó: Sự nghiệp giáo dục và đào tạo 6.894 người; sự nghiệp y tế 977 người; sự nghiệp văn hóa, thể thao và thông tin 267 người; sự nghiệp khoa học 15 người; sự nghiệp khác 486 người.

- Phê duyệt số lượng người làm việc trong các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ 55 người.

12. Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh quyết định số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với các huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Kạn năm 2025

a) Quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã đối với các huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Kạn năm 2025 là 2.188 người, trong đó: Huyện Ba Bể 302 người, huyện Bạch Thông 277 người, huyện Chợ Đồn 402 người, huyện Chợ Mới 280 người, huyện Na Rì 340 người, huyện Ngân Sơn 211 người, huyện Pác Nặm 202 người, thành phố Bắc Kạn 174 người.

b) Quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với các huyện, thành phố thuộc tỉnh Bắc Kạn năm 2025 là 1.302 người, trong đó: Huyện Ba Bể 182 người, huyện Bạch Thông 164 người, huyện Chợ Đồn 242 người, huyện Chợ Mới 168 người, huyện Na Rì 204 người, huyện Ngân Sơn 124 người, huyện Pác Nặm 122 người, thành phố Bắc Kạn 96 người.

13. Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Bắc Kạn

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 928.809 triệu đồng.
- Tổng thu ngân sách địa phương: 11.282.185 triệu đồng, gồm:
- Tổng chi ngân sách địa phương: 11.017.452 triệu đồng, gồm:
- Kết dư ngân sách địa phương năm 2023: 264.733 triệu đồng, gồm:
- Kết dư ngân sách cấp tỉnh năm 2023: 178.528 triệu đồng, được xử lý như sau: Trích vào Quỹ dự trữ tài chính theo quy định: 1.904 triệu đồng. Chuyển vào thu ngân sách năm 2024: 176.624 triệu đồng, trong đó số kinh phí thuộc nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu là 174.719 triệu đồng.

14. Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025

Dự toán ngân sách địa phương năm 2025 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.135 tỷ đồng, tăng 191,8 tỷ đồng so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó:

- Thu nội địa: 1.090 tỷ đồng.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 45 tỷ đồng.

2. Tổng thu ngân sách địa phương là 8.323,383 tỷ đồng, tăng 191,1 tỷ đồng so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Tổng chi ngân sách địa phương 8.329,383 tỷ đồng, tăng 191,1 tỷ đồng so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

4. Bội chi ngân sách địa phương: 6 tỷ đồng.

5. Tổng mức vay ngân sách địa phương: 15,728 tỷ đồng (*vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài*).

6. Trả nợ gốc của ngân sách địa phương: 9,728 tỷ đồng.

Phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2025:

1. Dự toán thu ngân sách cấp tỉnh: 7.724,713 tỷ đồng.

2. Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh 7.730,713 tỷ đồng. Trong đó:

2.1 Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp tỉnh (*không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới*): 3.536,575 tỷ đồng, gồm:

a) Chi cân đối ngân sách: 2.130,1 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 340,213 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên: 1.725,333 tỷ đồng.

- Chi trả nợ lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay: 7,8 tỷ đồng.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1 tỷ đồng.

- Dự phòng ngân sách: 55,754 tỷ đồng.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương: 1.406,475 tỷ đồng, gồm:

- Chi đầu tư thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ: 1.044,077 tỷ đồng.

- Chi từ vốn sự nghiệp trong nước để thực hiện các nhiệm vụ, chế độ, chính sách theo quy định: 264,567 tỷ đồng.

- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 97,831 tỷ đồng, gồm:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Vốn đầu tư: 74,960 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Vốn đầu tư: 16,202 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Vốn sự nghiệp: 6,669 tỷ đồng.

2.2. Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành phố: 4.194,138 tỷ đồng, gồm:

- Chi bổ sung cân đối ngân sách: 2.557,497 tỷ đồng.

- Chi bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 893,215 tỷ đồng.

- Chi bổ sung có mục tiêu: 743,426 tỷ đồng.

15. Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hỗ trợ kết cấu hạ tầng các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

- Quy mô đầu tư sau điều chỉnh: Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng (*nhà kho, nhà xưởng*) cho 12 Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh (*cắt giảm đầu tư hạ tầng Hợp tác xã Hồng Luân và Hợp tác xã Vạn Lộc*).

- Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 27.950 triệu đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh: Ngân sách nhà nước: 26.575 triệu đồng; Đối ứng của hợp tác xã: 1.375 triệu đồng.

- Thời gian thực hiện sau điều chỉnh: Năm 2023 - 2025.

16. Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 14)

- Giảm kế hoạch vốn: 4.826 triệu đồng.

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 01 dự án: 3.425 triệu đồng.

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn dự phòng ngân sách tỉnh: 1.401 triệu đồng.

- Tăng kế hoạch vốn: 4.826 triệu đồng cho 01 dự án khởi công mới.

17. Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương

Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:

Tổng kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025: 805.037 triệu đồng, trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 443.280 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 335.757 triệu đồng.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 20.000 triệu đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương: 6.000 triệu đồng.

Chi tiết phương án phân bổ tại phụ lục kèm theo Nghị quyết đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh. Các cử tri quan tâm có thể truy cập để xem cụ thể.

18. Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

Tổng kế hoạch đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025: 600.882 triệu đồng (*trong đó: Ngân sách trung ương 552.789 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng 48.093 triệu đồng*), cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 85.901 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 83.399 triệu đồng; ngân sách địa phương 2.502 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 405.932 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 373.970 triệu đồng; ngân sách địa phương 31.962 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 109.049 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 95.420 triệu đồng; ngân sách địa phương 13.629 triệu đồng.

Chi tiết phương án phân bổ tại phụ lục kèm theo Nghị quyết đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh. Các cử tri quan tâm có thể truy cập để xem cụ thể.

19. Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 (bổ sung lần 5)

Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 (bổ sung lần 5) với tổng số tiền 95.628.155.000 đồng (Chín mươi năm tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, một trăm năm mươi năm nghìn đồng).

20. Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

- Giữ nguyên 122 danh mục dịch vụ sự nghiệp công vẫn còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp, phù hợp với nhu cầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Bổ sung 26 danh mục dịch vụ sự nghiệp công; sửa đổi 06 danh mục và bãi bỏ 18 danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

21. Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý

Nghị quyết quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố, Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đối với 04 nhóm giá dịch vụ cụ thể gồm: Giá dịch vụ khám bệnh, hội chẩn; giá

dịch vụ ngày giường bệnh; giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm và giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ theo quy định. Chi tiết giá của các dịch vụ đối với từng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, đề nghị cử tri theo dõi trên Trang Thông tin điện tử dân cử.

Nghị quyết cũng quy định về nội dung chuyển tiếp: Theo đó, đối với người bệnh đang điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực: Tiếp tục được áp dụng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của cấp có thẩm quyền trước thời điểm thực hiện mức giá theo quy định tại Nghị quyết này cho đến khi ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú.

22. Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể

a) Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể với nội dung sau:

- Tổng mức đầu tư dự án sau điều chỉnh: 494 tỷ đồng (*tăng 55 tỷ đồng*).
- Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh:
 - + Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 439 tỷ đồng.
 - + Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh: 55 tỷ đồng (*tăng 55 tỷ đồng*).
- Thời gian thực hiện sau điều chỉnh: Năm 2021-2025.

b) Các nội dung khác không điều chỉnh tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Nghị quyết 43/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2020; Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể.

23. Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh về danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nghị quyết quyết định danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể:

1. Các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*Dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai*): 01 khu đất để thực hiện dự án, cụ thể: Khu đất đề xuất thực hiện dự án Cụm dân cư trung tâm xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn.

2. Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định quản lý ngành, lĩnh vực (*Dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai*), gồm: (1) Dự án Nhà máy cấp nước tại xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới;

(2) Dự án xử lý chất thải rắn liên vùng huyện Chợ Mới; (3) Dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang đô thị tại huyện Chợ Mới.

24. Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án (bổ sung) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 02 công trình, dự án (bổ sung) năm 2024 trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích 1,3675 ha, trong đó: Rừng tự nhiên 0,912 ha; rừng trồng 0,4555 ha, gồm các dự án: (1) Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Bản Lặng, xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn và xã Sỹ Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn do Doanh nghiệp tư nhân Thành Long Bắc Kạn làm chủ đầu tư; (2) Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn năm 2024 do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư (thực hiện trên địa bàn các xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới; Đông Xá, huyện Na Rì; Thượng Ân, huyện Ngân Sơn).

25. Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất để thực hiện trong năm 2024

Nghị quyết thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất để thực hiện trong năm 2024 là **110** công trình, dự án, cụ thể: Huyện Chợ Đồn: 18 công trình, dự án; Huyện Chợ Mới: 11 công trình, dự án; Huyện Ngân Sơn: 12 công trình, dự án; Huyện Na Rì: 16 công trình, dự án; Huyện Ba Bể: 19 công trình, dự án; Huyện Bạch Thông: 11 công trình, dự án; Huyện Pác Nặm: 23 công trình, dự án.

26. Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất để thực hiện trong năm 2025

Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất để thực hiện trong năm 2025 theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024 là **23** công trình, dự án, cụ thể: Huyện Chợ Đồn: 04 công trình, dự án; Huyện Chợ Mới: 02 công trình, dự án; Huyện Ngân Sơn: 03 công trình, dự án; Huyện Bạch Thông: 01 công trình, dự án; Huyện Ba Bể: 06 công trình, dự án; Huyện Pác Nặm: 06 công trình, dự án; Thành phố Bắc Kạn: 01 công trình, dự án.

27. Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về việc tổ chức các kỳ họp trong năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021 – 2026

Nghị quyết thông qua kế hoạch tổ chức các kỳ họp trong năm 2025 của HĐND tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Theo đó, dự kiến HĐND tỉnh sẽ tổ chức 02 kỳ họp thường lệ và các kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất tùy theo yêu cầu nhiệm vụ. Tại các kỳ họp, HĐND tỉnh sẽ xem xét các báo cáo, tờ trình, đề án; thông qua các nghị quyết và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

28. Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh về việc sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024

Trước thời điểm sáp nhập, toàn tỉnh có 1.292 thôn, tổ dân phố.

Tại kỳ họp này, HĐND tỉnh quyết định sáp nhập 670 thôn, tổ dân phố trên địa bàn các huyện, thành phố thành 317 thôn, tổ dân phố.

Sau khi sáp nhập, toàn tỉnh giảm 353 thôn, tổ dân phố; còn 939 thôn, tổ dân phố.

Cụ thể như sau:

- Sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố:

+ Huyện Ba Bể: Sáp nhập 47 thôn, tiểu khu thành 23 thôn, tiểu khu.

+ Huyện Bạch Thông: Sáp nhập 74 thôn, tổ dân phố thành 35 thôn, tổ dân phố.

+ Huyện Chợ Đồn: Sáp nhập 143 thôn, tổ dân phố thành 64 thôn, tổ dân phố.

+ Huyện Chợ Mới: Sáp nhập 71 thôn, tổ dân phố thành 33 thôn, tổ dân phố.

+ Huyện Na Rì: Sáp nhập 176 thôn, tổ dân phố thành 74 thôn, tổ dân phố.

+ Huyện Ngân Sơn: Sáp nhập 70 thôn, tổ dân phố thành 31 thôn, tổ dân phố.

+ Huyện Pác Nặm: Sáp nhập 28 thôn thành 14 thôn.

+ Thành phố Bắc Kạn: Sáp nhập 61 thôn, tổ dân phố thành 43 thôn, tổ dân phố.

- Đổi tên thôn, tổ dân phố, như sau:

+ Huyện Chợ Đồn: Thị trấn Bằng Lũng: Đổi tên tổ dân phố Số 2A thành tổ dân phố 2; đổi tên tổ dân phố Số 16 thành tổ dân phố 7; đổi tên tổ dân phố Số 11A thành tổ dân phố 11. Xã Xuân Lạc: Đổi tên thôn Pù Lùng 2 thành thôn Pù Lùng.

+ Huyện Chợ Mới: Xã Nông Hạ: Đổi tên thôn Bản Tết 1 thành thôn Bản Tết.

+ Huyện Na Rì: Thị trấn Yên Lạc: Đổi tên tổ nhân dân Giả Địa thành tổ dân phố Số 5.

+ Thành phố Bắc Kạn: Phường Huyền Tung: Đổi tên tổ dân phố Chí Lèn thành tổ dân phố Số 8, đổi tên tổ dân phố Khuổi Hèo thành tổ dân phố Số 9, đổi tên tổ dân phố Tổng Năng thành tổ dân phố Số 11, đổi tên tổ dân phố Bản Vén thành tổ dân phố Số 12.

29. Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh về kết quả kỳ họp thứ 24 HĐND tỉnh (kỳ họp thường lệ cuối năm 2024)

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả kỳ họp thứ 24 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2024) HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa X. Nội dung cụ thể của các nghị quyết thông qua tại kỳ họp này đã được đăng tải trên Trang thông tin điện tử đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn tại mục “Tài liệu kỳ họp” địa chỉ: <http://dbdc.backan.gov.vn>. Đề nghị đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu, báo cáo đến các bậc cử tri được biết./.

